

Bản án số: 391/2019/HS-PT  
Ngày 16 - 7 - 2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Trần Xuân Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 780/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T do có kháng cáo của đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 433/2018/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Ngọc T;** Giới tính: Nam; Sinh năm: 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 1B, Phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Nguyên Bí thư Đoàn thanh niên Phường 14, quận Bình Thạnh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc T và bà Bùi Thị Ngọc T; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị tạm giữ, tạm giam ngày 28/8/2017 (có mặt)

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Phi H - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**- Bị hại:** Ông Phan V; Sinh năm: 1984 (đã chết trong vụ án).

*Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Phan V; Sinh năm: 1951 (có mặt)

2. Bà Võ Thị H; Sinh năm: 1957 (có mặt)

Cùng thường trú: ấp A, xã S, huyện M, tỉnh Đồng Nai.

(Là cha mẹ của bị hại Phan V)

3. Bé Phan Thiên C; Sinh ngày: 25/10/2012

Thường trú: A đường Q, Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt), (là con của bị hại Phan V)

Do bà Nguyễn Thị Huyền T làm đại diện.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Huyền T; Sinh năm: 1987; Thường trú: A đường Q, Phường B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà H, bà T:* Ông Đặng Trường Thanh - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 28/8/2017, Chung Thị Ngọc Tr ngồi uống nước cùng với Dương Thị Hồng H (là em họ của Tr) và Phan V (là bạn trai của Tr) tại quán cà phê Up, địa chỉ: 213/6A đường D2, phường 25, quận Bình Thạnh. Lúc này, Nguyễn Ngọc T (là bạn trai cũ của Tr, đã chia tay khoảng 03 tháng) đi ngang qua quán cà phê Up và nhìn thấy Tr nên nảy sinh ý định đòi lại 01 điện thoại Iphone 7 plus và số tiền 7.000.000 đồng mà trong thời gian yêu nhau T đưa cho Tr. T đi vào quán cà phê Up gặp Tr đòi lại điện thoại Iphone 7 plus và số tiền 7.000.000 đồng, nhưng Tr không đồng ý trả, T giật lấy điện thoại Iphone 7 plus trên tay Tr nhưng không được. T dùng tay tát vào mặt Tr 01 cái thì V đứng lên giữ tay T lại và đẩy T ra xa Tr. Tr nói với T "Điện thoại gì mà đòi" và không đồng ý trả nên T nắm tóc kéo Tr đi thì V ôm can ngăn T lại. Tr và H đi bộ về phòng trọ số 60/13 Ung Văn Khiêm, Phường 25, quận Bình Thạnh gần đó, còn V và T ở lại quán, V nói với T có gì từ từ giải quyết nhưng T không đồng ý đề nghị sang phòng trọ của Tr để nói chuyện và giải quyết thì V đồng ý, cả hai cùng đi đến nhà trọ của Tr. Do không biết Tr ở phòng nào nên cả hai đứng trước hành lang lầu 1 nói chuyện. Trong khoảng thời gian này, Tr, H và Đỗ Thị H1 (là bạn cùng phòng với Tr) đi thang máy xuống và sang quán cà phê UP tìm T và V nhưng không thấy nên đi trở lại phòng trọ.

Do không gặp được Tr nên T đi xuống tầng để xe của nhà trọ để đi về và V đi theo sau. Lúc này, Tr, H và H1 từ quán cà phê về và vào trong nhà trọ thì gặp T và V tại tầng để xe. Vừa nhìn thấy T, Tr xông vào dùng tay đánh vào mặt T 02 cái. T nắm được tay Tr thì H1 và H xông vào can ngăn, nắm giữ tay T. Còn V từ phía sau lưng, dùng tay kẹp cổ T, kéo T ra xa Tr và làm T ngã xuống nền nhà. T vùng dậy, V tiếp tục ôm, giằng co và đẩy T về phía cầu thang bộ. Lúc này, Tr tiếp tục lao vào đánh 01 cái trúng vào mặt T, còn V ôm đẩy T (với tư thế mặt đối mặt) làm T ngã ngửa vào bàn bảo vệ, tay phải chống lên bàn chạm vào con dao (loại dao Thái lan, dài khoảng 25cm, lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa màu vàng, đã thu giữ được), tay phải T cầm lấy con dao vòng tay đâm ngang trúng vào lưng V và tiếp tục đâm 01 nhát vào ngực của V, V kẹp nách tay cầm dao của của T, T giằng lại con dao đang dính trên ngực V nhưng không được. Khi con dao được rút ra khỏi ngực V thì V loạng choạng ngã gục xuống nền nhà. Phan V được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện nhân dân Gia Định nhưng đã tử vong. Người dân xung quanh đến tước lấy dao và bắt giữ T giao cho Công an phường 25, quận Bình Thạnh lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 803-17/KLGD-PY ngày 12/10/2017 kết luận: Phan V chết do sốc mất máu cấp bởi vết thương đâm thấu tim.

Gia đình người bị hại Phan V yêu cầu:

- + Chi phí mai táng 300.000.000 đồng.
- + Bồi thường tổn thất tinh thần 81.000.000 đồng.
- + Bồi thường 50.000.000 đồng thu nhập hàng tháng của Phan V trong thời gian 60 tháng.
- + Chu cấp cho cha, mẹ Phan V 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi chết.

Nguyễn Thị Huyền T (mẹ của bé C) yêu cầu bị cáo T trợ cấp cho bé Phan Thiên C (con gái của V) 20.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Gia đình bị cáo T đã bồi thường số tiền 200.000.000 đồng chi phí mai táng cho gia đình bị hại.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 433/2018/HSST ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

Bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Giết người”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Nguyễn Ngọc T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/8/2017.

- Áp dụng Điều 41; khoản 1, khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường thêm cho ông Phan V và bà Võ Thị H số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng tiền chi phí mai táng.

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho ông Phan V, bà Võ Thị H và bé Phan Thiên C số tiền 139.000.000 (một trăm ba mươi chín triệu) đồng tiền tổn thất về tinh thần.

Tách việc yêu cầu cấp dưỡng cho bé Phan Thiên C thành vụ kiện dân sự khác khi mẹ của bé Phan Thiên C là bà Nguyễn Thị Huyền T có đơn yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/11/2018, bà Võ Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng hình phạt đối với bị cáo, buộc bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Phan Thiên C là con của bị hại cho đến khi cháu 18 tuổi.

Ngày 29/11/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa buộc bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thiên C cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Trong vụ án, người bị hại có một phần lỗi dẫn đến bị cáo phạm tội. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, có nhiều thành tích trong công tác, mức án cấp sơ thẩm xử phạt là tương xứng. Bà H kháng cáo cho rằng bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ là không có căn cứ. Về kháng cáo của bà T, tại phiên tòa bị cáo và bà T đã thỏa thuận bị cáo cấp dưỡng nuôi cháu C mức cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng. Đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), không chấp nhận kháng cáo của bà H, chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thiên C.

Luật sư H trình bày: Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp.

Bị cáo đồng ý với ý kiến luật sư, không trình bày gì thêm.

Bà H trình bày: Không có việc bị hại kẹp cổ bị cáo, con bà không có lỗi như Viện kiểm sát phát biểu.

Luật sư Thanh trình bày: Việc bị cáo khai gặp chị Tr đòi điện thoại là không có căn cứ. Bị cáo ghen tức với anh V, anh V không kẹp cổ bị cáo, lời khai của bị cáo có mâu thuẫn, truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 thì phù hợp hơn. Đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]- Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng và bản án sơ thẩm đã kết luận, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng trực tiếp chứng kiến sự việc, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, theo đó: Vào khoảng 10 giờ 10 phút, tại tầng để xe nhà trọ số 60/13 đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xảy ra xô sát giữa Chung Thị Ngọc Tr với bị cáo do bị cáo trước đó có đòi Tr điện thoại Iphone 7 Plus và số tiền 7.000.000đ theo bị cáo thì trong thời gian yêu nhau bị cáo đã đưa cho Tr nhưng Tr không đồng ý trả. Tại tầng để xe nhà trọ số 60/13 đường Ung Văn Khiêm, phường 25, quận Bình Thạnh, Tr xông vào đánh bị cáo hai cái, bị cáo nắm được tay Tr thì chị H1 và chị H (là bạn của Tr) xông vào can ngăn nắm giữ tay bị cáo, anh V (là bạn của Tr) từ phía sau bị cáo dùng tay kẹp cổ bị cáo, kéo bị cáo ra xa Tr và kéo bị cáo ngã xuống nền nhà, Tr tiếp tục dùng tay đánh bị cáo, bị cáo đứng dậy, V tiếp tục ôm, giằng co và đẩy bị cáo đến cửa thang máy và chân cầu thang bộ, Tr tiếp tục đánh một cái trúng vào mặt bị cáo, V ôm đẩy bị cáo (với tư thế mặt đối mặt) làm bị cáo ngã ngửa vào xe máy và bàn bảo vệ, lúc này tay bị cáo chống lên bàn bảo vệ chạm vào con dao loại dao Thái Lan. Tay phải bị cáo cầm dao đâm ngang trúng vào lưng V và đâm tiếp một nhát vào ngực V làm anh V tử vong.

Từ đó có đủ căn cứ kết luận bị cáo phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999.

[2] Hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ” theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H đề nghị xét xử bị cáo theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt của bà H và yêu cầu bị cáo cấp dưỡng nuôi cháu C thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, đã tước đi sinh mạng một con người, gây đau thương tang tóc không gì bù đắp được cho gia đình người bị hại, tác động tiêu cực đến tình hình trật tự trị

an ở địa phương. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả rất nghiêm trọng mà bị cáo gây ra thì phải xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm minh, cách li bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện và phục vụ công tác đấu tranh phòng ngừa chung. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo cũng có một phần lỗi của bị hại đã kẹp cổ, quật ngã, liên tục xô đẩy bị cáo để cho chị Tr đánh bị cáo.

Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm cân nhắc đánh giá bối cảnh phạm tội (trong hoàn cảnh bị Tr đánh và bị anh V (là bạn trai của Tr) quật ngã, liên tục xô đẩy bị cáo để cho chị Tr đánh), hành vi của bị hại, nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt của bà H, giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo và đại diện bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tự nguyện thỏa thuận như sau: Bị cáo bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần 10.000.000đ, tổng cộng là 149.000.000đ và cấp dưỡng cho cháu C 5.000.000đ/tháng.

Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[5] Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H về việc đề nghị xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 và tăng hình phạt đối với bị cáo; chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại bà Võ Thị H; chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Huyền T; giữ nguyên quyết định về phần Điều, khoản của Bộ luật hình sự được áp dụng và mức hình phạt; sửa một phần bản án sơ thẩm số 433/2018/HSST ngày 16/11/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm dân sự như sau:

1- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc T phạm tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 93; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 28/8/2017.

2- Áp dụng Điều 41; khoản 1, khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự và căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 591 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường thêm cho ông Phan V và bà Võ Thị H số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng tiền chi phí mai táng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo, đại diện bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho ông Phan V, bà Võ Thị H và bé Phan Thiên C số tiền 149.000.000 (một trăm bốn mươi chín triệu) đồng tiền tổn thất về tinh thần và buộc bị cáo cấp dưỡng nuôi cháu Phan Thiên C, sinh ngày 25/10/2012, với mức cấp dưỡng 5.000.000 (năm triệu) đồng trên một tháng cho đến khi cháu C tròn 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị Huyền T được nhận tiền cấp dưỡng của cháu C. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và cấp phúc thẩm không xem xét các nội dung này.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 16/7/2019./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- Trại tạm giam Chí Hòa;
- (Tổng đạt cho bị cáo)
- Bị hại;
- NLQ;
- Lưu: HS, VP, 18bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**

